TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **275**/2023/DS-PT
Ngày 17-5- 2023
V/v *"Tranh chấp đất đai và bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Phan Nhựt Bình

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 515/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp đất đai và bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1023/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*****:** Bà **Hà Thị Thu T**, sinh năm 1944; (Có mặt)

Địa chỉ: phường N, Quận I, TP HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Kim Vương K** (Có mặt) và ông **Nguyễn Kim Vương K1** (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: phường N, Quận I, TP HCM.

2. Bị đơn**:**

2.1. Nhà thờ Công Giáo A;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn K3**, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2.2 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1951; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Chết ngày 30 tháng 10 năm 2020)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S: Ông **Nguyễn Đặng V**, sinh năm 1987. Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đặng V: Ông **Nguyễn Văn K3**, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2.3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1948; Địa chỉ: Phường I, TP L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông **Trần Thiện X**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Phường H, TP L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2017). (Có mặt)

2.4. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1968; Địa chỉ: xã TCS, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2.5. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1940 (Chết ngày 03/03/2022)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Q: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973; Bà **Nguyễn Thị A1**, sinh năm 1970; Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1966.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông **Nguyễn Văn K3**, sinh năm 1974; (Có mặt)

Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

2.6. Ông Lê Văn Q1, sinh năm 1934;

2.7. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1951;

Đại diện theo ủy quyền của ông Q1 và ông H: Ông **Nguyễn Văn K3**, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.8. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981; (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.9. Bà **Nguyễn Thị Sáu N1**, sinh năm 1966; Địa chỉ: xã Mỹ Q2, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp. (Xin xét xử vắng mặt)

2.10. Ông Bùi Văn Đ1, sinh năm 1944; (Đã chết)

2.11. Ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1952; Địa chỉ: Phường B, TP MT, tỉnh Tiền Giang.

2.12. Tòa giám mục Giáo phận MT;

Người đại diện theo pháp luật: Linh mục Trần Kỳ M; Địa chỉ: Phường B, TP MT, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973;

Đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông **Nguyễn Văn K3**, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà **Nguyễn Thị A1**, sinh năm 1970. (Xin xét xử vắng mặt)

3.3. Chị **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1966. (Xin xét xử vắng mặt)

3.4. Chị **Trịnh Thị Ngọc K4**, sinh năm 1980. (Xin xét xử vắng mặt)

3.5. Anh **Lê Phước K5**, sinh năm 1990. (Xin xét xử vắng mặt)

3.6. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1975. (Xin xét xử vắng mặt)

3.7. Anh **Phạm Tấn L**, sinh năm 1988. (Xin xét xử vắng mặt)

3.8. Bà **Thái Thị Mỹ L1**, sinh năm 1977. (Xin xét xử vắng mặt)

3.9. Anh **Nguyễn Hữu Anh D1**, sinh năm 1981. (Xin xét xử vắng mặt)

3.10. Anh **Nguyễn Hữu Anh K6**, sinh năm 1991. (Xin xét xử vắng mặt)

3.11. Bà **Nguyễn Thị Mỹ V1**, sinh năm 1980. (Xin xét xử vắng mặt)

3.12. Bà **Lê Thị T4**, sinh năm 1968. (Xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Bà **Phạm Thị N2**, sinh năm 1937. (Chết ngày 07/05/2022)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nhung: Ông **Lê Văn Q1**, sinh năm 1934 (Chồng); Ông **Lê Văn T5**, sinh năm 1974 (Con)

Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Q1: Ông **Nguyễn Văn K3**, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Ông **Lê Văn K5**, sinh năm 1972; (Xin xét xử vắng mặt)

3.15. Bà **Lê Thị T6**, sinh năm 1973; (Xin xét xử vắng mặt)

3.16. Ông **Lê Văn T5**, sinh năm 1974; (Xin xét xử vắng mặt)

3.17. Chị **Võ Thị Yến N3**, sinh năm 1997; (Xin xét xử vắng mặt)

3.18. Chị **Bùi Thị Ngọc T7**, sinh năm 1985; (Xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.19. **Ủy ban nhân dân huyện L;**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng S1; Chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Chí T8, Chức vụ: Phó Chủ tịch;

Địa chỉ: Thị trấn MT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Xin xét xử vắng mặt)

3.20. Uỷ ban nhân dân tỉnh ĐT;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D1; Chức vụ: Chủ tịch; Địa chỉ: Phường I, TP L, tỉnh Đồng Tháp (Xin xét xử vắng mặt).

3.21. **Ngân hàng TMCP VN - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.** (Xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P; Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Phường I, TP L, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc diện tích 7.120m^2, thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 01 của gia tộc họ Hà, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là của tổ tiên bà T khai mở từ năm 1679 (Thế kỷ 17). Sau đó, đến đời ông nội của bà là Hà Văn K6 là người kế

thừa. Ông bà nội của bà T có hai người con là Hà Văn K7 (1900 - 1966) và Hà Văn N4 (1906 - 1946). Năm 1917, ông K6 qua đời. Năm 1936, ông K7 đem đất cầm cố cho ông Nguyễn Văn C là thầy giáo ở cùng xóm lấy tiền trốn đi Campuchia. Sau đó, cha bà là ông Hà Văn N4 chuộc đất lại và đứng tên thửa đất trên sổ bộ của chính quyền chế độ cũ. Gia đình bà T có xây một căn nhà nguyện lợp bằng lá, xây 01 gác chuông bằng gỗ để cầu nguyện (nhà nguyện xây dựng trên nền một miếu Quan Công, còn gọi là chùa O1).

Năm 1937, cha bà T là ông Hà Văn N4 có thuê ông Lê Văn R (1913 - 2003) để chăm sóc mồ mả nhà nguyện và có xây nhà cho ông R ở cùng vợ con. Năm 1946, ông Hà Văn N4 hy sinh tại Bến Lức, tỉnh Long An. Ông R tiếp tục ở trên phần đất cha bà đứng tên.

Năm 1990, ông R tự ý đi kê khai và được UBND xã A xác lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.850m^2 vào ngày 13/8/1990, trong đó có 950m^2, thuộc thửa số 741, tờ bản đồ số 01 là của ông Hà Văn N4 đứng tên nhưng bà không biết.

Năm 2003, ông Lê Văn R (chết), bà Lê Thị Q kê khai thừa kế quyền sử dụng đất. Ngày 27/5/2004, bà Q được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.850m^2 (trong đó có 950m^2 là đất của ông Hà Văn N4). Sau đó, bà Q tách ra bán phần đất 950m^2 của ông Hà Văn N4 cho bà Thái Thị Mỹ L 01 nền diện tích 184m^2 (đo đạc thực tế là 195,8m^2). Sau đó, bà L bán cho bà Nguyễn Thị Sáu N1, bán 01 nền cho ông Nguyễn Hữu H diện tích 247m^2 (đo đạc thực tế là 250,4m^2), bán 01 nền cho ông Nguyễn Văn T3 diện tích 179m^2 (đo đạc thực tế là 187,4m^2). Bà Q sử dụng diện tích đất còn lại có nguồn gốc của Hà Văn N4 là 243m^2 (đo đạc thực tế là 242,1m^2).

Ông Lê Văn Q1 kê khai thừa kế quyền sử dụng đất của ông Lê Văn R diện tích 815m^2 (đo đạc thực tế là 412m^2), thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện L.

Năm 2004, ông Nguyễn Văn S lợi dụng chức Chủ tịch Hội đồng giáo xứ A tự ý đi kê khai phần diện tích của Hà Văn N4 và được UBND Tỉnh cấp giấy chứng nhận cho Nhà thờ Công giáo A diện tích 5.803m^2.

Sau đó, Nhà thờ Công giáo A đứng đầu là ông Nguyễn Văn S cho người khai quật 06 ngôi mộ cổ của thân tộc họ H1 là tổ tiên của bà T gồm: Mộ của bà Hà P1 (1775 - 1871); bà Hà Thị N3 (1793 - 1890); ông Hà Văn T9 (1821 - 1918); bà Lê Thị T10 (mộ phần ghi xây dựng năm 1918); ông Nguyễn Văn H4 (mất năm 1903); bà Hà Thị T11 (mộ phần ghi xây dựng năm 1943). Mục đích khai quật mộ là để phi tang nguồn gốc đất đai của ông Hà Văn N4.

Năm 2013, bà T phát hiện vụ việc đất đai diện tích 7.120 m^2 thuộc chủ quyền sử dụng của cha bà T là ông Hà Văn N4 đã đăng sổ bộ địa chính năm 1937, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L đã bị một nhóm người (ông T1, ông D, ông S) tự xưng là Nhà thờ Công giáo A chiếm đất mục đích hoạt động tôn giáo không có giấy phép.

Nhóm người nêu trên đã đập bỏ nhà nguyện của cha bà T, đồng thời tiến hành xây dựng lậu một công trình nhà thờ không giấy phép xây dựng và nhóm người trên đã đào 06 mồ mả ông bà tổ tiên bà, hốt cốt phần đầu và phần chân đem vùi ở ngoài

bụi tre, phần mình để lại lấp đất phi tang nguồn gốc, sau đó đổ nền xây đè lên 01 công trình nhà xứ (đa năng).

Nay bà T có yêu cầu cụ thể như sau:

+ Bà T yêu cầu được công nhận diện tích đất 7.120m^2 (đo đạc thực tế 6.771 m^2, thuộc các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M26, M27, M28, M29, M30, M31, M38, M39, M40, M41, M42, M44, M45, M46, M47, M48, M49, M50, M51, M52) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là di sản thừa kế của cha bà T là ông Hà Văn N4;

+ Bà T yêu cầu Nhà thờ Công giáo A trả lại cho bà 5.969m^2 (đo đạc thực tế 5.483,3m^2) thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại số 399, ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu ông Nguyễn Xuân D, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn S, ông Bùi Văn Đ1 (đã chết nên không còn yêu cầu), ông Nguyễn Văn K2, Tòa giám mục Giáo phận MT đại diện theo pháp luật là ông Trần Kỳ M liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, do đã tự ý xâm phạm mồ mả, thi thể, hài cốt 06 ngôi mộ của thân tộc bà T để đem đi chôn nơi khác. 06 ngôi mộ cụ thể là: mộ của ông Hà P1 là ông Cao T12 của bà T, xây năm 1981, vật liệu bằng hợp chất ô dước; mộ bà Hà Thị N3 là trưởng nữ của ông Hà P1, xây năm 1890, vật liệu bằng hợp chất ô dước; mộ ông Nguyễn Văn H4 là chồng bà N3, xây năm 1903, vật liệu bằng hợp chất ô dước; mộ ông Hà Văn T9 là ông cố của bà T, xây năm 1918, vật liệu bằng đá xanh; mộ bà Lê Thị T10 là bà cố của bà T, xây sau mộ ông Hà Văn T9, vật liệu bằng đá xanh; mộ bà Hà Thị T11 là bà cố của bà T, xây năm 1943, vật liệu bằng hợp chất ô dước. Thời gian cụ thể ông D, ông T1, ông S xâm phạm mồ mả bà T không biết do bà T sống ở thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn Bùi Văn Đ1 đã chết năm 2018, số tiền bồi thường bà T yêu cầu các bị đơn Trần Văn T1, Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn K2, Trần Kỳ M liên đới bồi thường cho bà số tiền là 1.200.000.000 đồng.

+ Bà T yêu cầu hộ bà Lê Thị Q trả diện tích đất 243m^2 (đo đạc thực tế 242,1m^2 thuộc các mốc M3, M47, M48, M49, M9, M8, M3) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu hộ ông Lê Văn Q1 trả diện tích đất 815m^2 (đo đạc thực tế 412m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Sáu N1 trả diện tích đất 190m^2 (đo đạc thực tế 195,8m^2) thuộc thửa 198, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn T3 trả diện tích đất 179m^2 (đo đạc thực tế 187,4m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu hộ ông Nguyễn Hữu H trả diện tích đất 247m^2 (đo đạc thực tế 250,4m^2) thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện của bị đơn ông Trần Văn T1 là ông Trần Thiện X trình bày:

Phần đất nhà thờ xây dựng năm 1926, trong khi bà T sinh năm 1944. Phần đất đã được Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với các ngôi mộ nằm trong phần đất của nhà thờ, vào năm 1998 khi xây dựng nhà thờ, thì nhà thờ có liên hệ với các con cháu của những ngôi mộ thì họ đã tự di dời chứ không phải ông T3 làm. Có giấy xác nhận của bà Hà Thị Bạch L5 là con ông T13 là cháu ngoại của bà Hà Thị T11 về việc tự di dời mồ mả của họ tộc ra khỏi phần đất nhà thờ. Ông X đại diện ông T3 không đồng ý liên đới cùng ông S, Tòa giám mục MT bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả số tiền 1.200.000.000 đồng.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Q trình bày:

Nguồn gốc phần đất là của ông Lê Văn R (cha bà Q). Ông R sử dụng từ trước ngày 30/4/1975 và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 3.850m^2, tọa lạc tại xã A, huyện L vào ngày 13/8/1990. Năm 2003, ông R chết, bà Q được hưởng thừa kế di sản do ông R để lại và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 07/5/2004 với diện tích 3.850m^2, bà Q chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Hữu H diện tích 247m^2. Ngày 22/02/2006, bà Q chuyển nhượng diện tích 190m^2 cho bà Thái Thị Mỹ L (sau đó bà L chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Sáu N1). Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T5 diện tích 179m^2, số diện tích còn lại của bà là 242,1m^2. Do đó, bà Q không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Lê Văn Q1 trình bày: Nguồn gốc phần đất là của ông Lê Văn R (cha ông Q1). Sau khi ông R chết, ông Q1 làm theo quy định đi kê khai nhận di sản thừa kế diện tích 815m^2 (đo đạc thực tế 412m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Nay bà T yêu cầu ông trả lại đất diện tích 815m^2 ông không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp lệ, khi xây dựng nhà ông có xin phép xây dựng tại UBND xã A và hiện nay ông đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp cho hộ gia đình. Vì vậy, ông H không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc trả lại diện tích đất 247m^2 (đo đạc thực tế 250,4m^2) thuộc thửa số 741, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 trong quá trình giải quyết vụ án ông có ý kiến: Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ chị Nguyễn Thị Sáu N1 theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 31/3/2011 và ông đã xây dựng nhà ở trên đất, có xin phép xây dựng tại UBND xã A và ông đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/6/2011, đất cấp cho hộ. Vì vậy, ông T3 không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc trả lại diện tích đất 179m^2 (đo đạc thực tế 187,4m^2) thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, Đồng Tháp.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Sáu N1 trong quá trình giải quyết vụ án bà có ý kiến: Bà nhận chuyển nhượng đất của bà Thái Thị Mỹ L theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 21/01/2016 và bà đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất vào ngày 03/2/2016. Vì vậy, bà Sáu N1 không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc trả lại diện tích đất 190m^2 (đo đạc thực tế 195,8m^2) thuộc thửa 198, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngân hàng TMCP VN - Chi nhánh Đồng Tháp có văn bản không yêu cầu khởi kiện đối với hộ ông T3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu được công nhận diện tích đất 7.120m^2 (đo đạc thực tế 6.771 m^2, thuộc các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M26, M27, M28, M29, M30, M31, M38, M39, M40, M41, M42, M44, M45, M46, M47, M48, M49, M50, M51, M52) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là di sản thừa kế của cha bà Hà Thị Thu T là ông Hà Văn N4;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu T đối với các đương sự sau đây:

Yêu cầu Nhà thờ Công giáo A trả lại cho bà diện tích đất 5.969m^2 (đo đạc thực tế 5.483,3m^2) thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại số 399, ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ bà Lê Thị Q trả diện tích đất 243m^2 (đo đạc thực tế 242,1m^2) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ ông Lê Văn Q1 trả diện tích đất 815m^2 (đo đạc thực tế 412m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Sáu N1 trả diện tích đất 190m^2 (đo đạc thực tế 195,8m^2) thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn T3 trả diện tích đất 179m^2 (đo đạc thực tế 187,4m^2) thuộc thửa 198, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ ông Nguyễn Hữu H trả diện tích đất 247m^2 (đo đạc thực tế 250,4m^2) thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2017; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 13/7/2017; Sơ đồ trích đo ngày 13/7/2017 và sơ đồ mốc ngày 13/7/2017).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu T yêu cầu ông Nguyễn Xuân D, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn K2, Tòa giám mục Giáo phận MT đại diện theo pháp luật là ông Trần Kỳ M liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, do đã tự ý xâm phạm mồ mả, thi thể, hài cốt 06 ngôi mộ của thân tộc bà T để đem đi chôn nơi khác.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu T (do đương sự rút đơn khởi kiện) về việc yêu cầu ông Bùi Văn Đ1 liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng.

5. Tiếp tục duy trì quyết định số: 10/2018/QĐ-BPKCTT ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm ông Nguyễn Văn K3 thay đổi hiện trạng 05 ngôi mộ cổ, tẩu tán tài sản xây dựng cải tạo công trình mới trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- ***Nguyên đơn bà Hà Thị Thu T và đại diện ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Kim Vương K trình bày:*** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên những lời trình bày tại cấp sơ thẩm.

Cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu ông Bùi Văn Đ1 bồi thường là không đúng, không đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn Đ1 tham gia tố tụng là vi phạm.

Nguồn gốc diện tích 7.120m^2, thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 01 của gia tộc họ Hà, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là của tổ tiên bà T khai mở từ năm 1679 (Thế kỷ 17). Năm 1937, cha bà T là ông Hà Văn N4 có mướn ông Lê Văn R (1913 - 2003) để chăm sóc mồ mả nhà nguyện và có xây nhà cho ông R ở cùng vợ con. Năm 1946, ông Hà Văn N4 hy sinh tại Bến Lức, tỉnh Long An. Ông R tiếp tục ở trên phần đất cha bà đứng tên. Ông R tự ý đi kê khai và được UBND xã A xác lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.850m^2 vào ngày 13/8/1990, trong đó có 950m^2, thuộc thửa số 741, tờ bản đồ số 01 là của ông Hà Văn N4 đứng tên nhưng bà không biết.

Nay bà T có yêu cầu cụ thể như sau:

+ Bà T yêu cầu Nhà thờ Công giáo A trả lại cho bà 5.969m^2 (đo đạc thực tế 5.483,3m^2) thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại số 399, ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu ông Nguyễn Xuân D, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn S, ông Bùi Văn Đ1, ông Nguyễn Văn K2, Tòa giám mục Giáo phận MT đại diện theo pháp luật là ông Trần Kỳ M liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, do đã tự ý xâm phạm mồ mả, thi thể, hài cốt 06 ngôi mộ của thân tộc bà T để đem đi chôn nơi khác.

+ Bà T yêu cầu hộ bà Lê Thị Q trả diện tích đất 243m^2 (đo đạc thực tế 242,1m^2 thuộc các mốc M3, M47, M48, M49, M9, M8, M3) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu hộ ông Lê Văn Q1 trả diện tích đất 815m^2 (đo đạc thực tế 412m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Sáu N1 trả diện tích đất 190m^2 (đo đạc thực tế 195,8m^2) thuộc thửa 198, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn T3 trả diện tích đất 179m^2 (đo đạc thực tế 187,4m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà T yêu cầu hộ ông Nguyễn Hữu H trả diện tích đất 247m^2 (đo đạc thực tế 250,4m^2) thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tất cả diện tích đất bà T yêu cầu đều đã được những người sử dụng đất tự tý kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra tại cấp phúc thẩm, bà Hà Thị Thu T nộp thêm bản dịch biên nhận giải chấp do ông Nguyễn Văn C lập có nội dung xác nhận ông C đã nhận tiền, ông Hà Văn N4 là chủ sở hữu khu đất (tờ số 1 lô 140); bản dịch sổ địa bộ địa chính thể hiện ông Hà Văn N4 sở hữu lô đất 140, họ đạo công giáo A sở hữu địa bộ số 139 diện tích 1,2080 ha. Như vậy diện tích đất của nhà thờ nằm kế bên diện tích đất ông Hà Văn N4, chính quyền cấp giấy chứng nhận thửa 140 cho nhà thờ và những người nêu trên là không đúng.

Ông Nguyễn Văn K2 đại diện nhà thờ A đồng thời là đại diện cho một số người tham gia tố tụng khác trình bày: giữ nguyên những lời đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Nhà thờ được xây dựng từ năm 1926, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những người sử dụng đất khác cũng đã sử dụng đất ổn định, lâu dài từ rất lâu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện của bị đơn ông Trần Văn T3 là ông Trần Thiện X trình bày: giữ nguyên những lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Việc di dời các ngôi mộ là do con cháu trong dòng họ làm, nhà thờ chỉ vận động di dời mộ ra khỏi khuôn viên nhà thờ. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên toà phát biểu:

-Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

-Về hình thức: đơn kháng cáo của Hà Thị Thu T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

-Về nội dung:

+Về nguồn gốc đất: Nguồn gốc là của ông Hà Văn K6 sử dụng từ năm 1926. Sau đó ông Lê Văn R quản lý, sử dụng từ năm 1945. Từ năm 1945 gia đình bà T đã lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Sau giải phóng, ông Q1, bà Q kê khai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng một phần cho người khác. Việc chuyển nhượng là hợp pháp. Cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Hồ sơ thể hiện một số người trong dòng họ khai tự nguyện di dời các ngôi mộ. không ai áp đặt việc di dời. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mã là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Hà Thị Thu T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: UBND huyện L, UBND tỉnh ĐT, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Sáu N1, bà Nguyễn Thị A1, chị Nguyễn Thị T2, chị Trịnh Thị Ngọc K4, anh Lê Phước K5, bà Nguyễn Thị H1, anh Phạm Tấn L, chị Thái Thị Mỹ L1, anh Nguyễn Hữu Anh D1, anh Nguyễn Hữu Anh K6, chị Nguyễn Thị Mỹ V1, bà Lê Thị T4, ông Lê Văn K5, bà Lê Thị T6, ông Lê Văn T5, chị Võ Thị Yến N3, chị Bùi Thị Ngọc T7, Ngân hàng TMCP VN – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Văn K3, Linh mục Trần Kỳ M, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: xét kháng cáo của của bà Hà Thị Thu T, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

3.1. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả: nguyên đơn không chứng minh được hành vi xâm phạm mồ mả của các bên, việc di dời mồ mả có sự đồng thuận của một số người trong gia tộc. Bà Hà Thị Thu T cũng chỉ là người trong gia tộc, việc di dời mồ mả không phải là hành vi xâm phạm mồ mả.

3.2. Về yêu cầu đòi quyền sử dụng đất:

Tại Biên bản làm việc ngày 27/3/2014 (Bút lục 872) ông Hà Tuấn Q4 trình bày: Nguồn gốc đất của ông Hà Văn K6 (Hương C2) và bà Nguyễn Thị X, ông K6, bà X có hiến đất cho nhà thờ Công giáo An Bình. Ông K6, bà X có 02 người con là ông Hà Văn K7 và ông Hà Văn N4. Ông N4 có các con còn sống gồm Hà Tuấn A2, Hà Tuấn L3, Hà Quốc T14, Hà Thị Thu T. Năm 1976 giữa ông T14 với ông Hà Văn T15, con ông K7, có tranh chấp đất và đã chi mỗi người một phần, đất nhà thờ Công giáo A thì nhà thờ sử dụng. Tại thời điểm bốc mộ trong thân tộc của gia đình ông T15 và gia đình ông, có sự đồng ý của bên gia đình ông T15, thống nhất cho di dời và ông Q1 cũng không có ý kiến.

Tại Biên bản làm việc ngày 11/4/2014 (Bút lục 876) bà Hà Thị Bạch L4, con ông Hà Văn T15, cháu nội ông Hà Văn K7 cũng trình bày nội dung tương tự: đất nhà thờ sử dụng là của bà X hiến và bán cho Nhà thờ, đất này không phải của ông Hà Văn N4.

3.3. Về việc rút đơn khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất đang tranh chấp là di sản của ông Hà Văn N4 và rút yêu cầu đối với ông Bùi Văn Đ1: Tại biên bản phiên tòa ngày 02/8/2018 (Bút lục 1486) bà T chỉ yêu cầu: Buộc Nhà thờ Công giáo An Bình trả lại cho bà 5.969m^2 (đo đạc thực tế 5.483,3m^2) thuộc thửa 139, yêu cầu ông Nguyễn Xuân D, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn S, ông Bùi Văn Đ1 (đã chết nên không còn yêu cầu), ông Nguyễn Văn K3, Tòa giám mục Giáo phận MT đại diện theo pháp luật là ông Trần Kỳ M liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, yêu cầu hộ bà Lê Thị Q trả diện tích đất 243m^2 (đo đạc thực tế 242,1m^2 thuộc

các mốc M3, M47, M48, M49, M9, M8, M3), ông Lê Văn Q1 trả diện tích đất 815m^2 (đo đạc thực tế 412m^2) thuộc thửa 218, bà Nguyễn Thị Sáu N1 trả diện tích đất 190m^2 (đo đạc thực tế 195,8m^2) thuộc thửa 198, hộ ông Nguyễn Văn T3 trả diện tích đất 179m^2 (đo đạc thực tế 187,4m^2) thuộc thửa 218, hộ ông Nguyễn Hữu H trả diện tích đất 247m^2 (đo đạc thực tế 250,4m^2) thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Và nêu rõ không còn yêu cầu công nhận di sản của ông Hà Văn N4, nên cấp Sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

Đối với nguồn gốc đất phần đất đang tranh chấp, cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ và bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quá trình quản lý, sử dụng, đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất đang tranh chấp. Không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

Ngoài ra diện tích đất bà T yêu cầu, theo sổ địa bộ do bà T cung cấp có ghi là đất trồng nhiều loại cây. Theo quy định tại khoản 11 Điều 38 Luật Đất đai 2003 và điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 thì một số trường hợp sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai sẽ bị Nhà nước thu hồi đất như: "Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; Đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;...". Phần đất bà Hà Thị Thu T đang tranh chấp có sổ bộ đứng tên ông Hà Văn N4 từ năm 1937. Gia đình ông Hà Văn N4 đã không sử dụng đất từ năm 1946 đến nay. Toàn bộ diện tích đất do nhà thờ Công giáo An Bình và một số hộ dân sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1975, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003, Điều 100 Luật đất đai 2013 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà Hà Thị Thu T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

Không có có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Cần chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, cần bác kháng cáo của bà Hà Thị Thu T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Hà Thị Thu T là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hà Thị Thu T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1. Đình chỉ yêu cầu được công nhận diện tích đất 7.120m^2 (đo đạc thực tế 6.771 m^2, thuộc các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M26, M27, M28, M29, M30, M31, M38, M39, M40, M41, M42, M44, M45, M46, M47, M48, M49, M50, M51, M52) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là di sản thừa kế của cha bà Hà Thị Thu T là ông Hà Văn N4;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu T đối với các đương sự sau đây:

Yêu cầu Nhà thờ Công giáo A trả lại cho bà diện tích đất 5.969m^2 (đo đạc thực tế 5.483,3m^2) thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại số 399, ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ bà Lê Thị Q trả diện tích đất 243m^2 (đo đạc thực tế 242,1m^2) tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ ông Lê Văn Q1 trả diện tích đất 815m^2 (đo đạc thực tế 412m^2) thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Sáu N1 trả diện tích đất 190m^2 (đo đạc thực tế 195,8m^2) thuộc thửa 197, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ anh Nguyễn Văn T3 trả diện tích đất 179m^2 (đo đạc thực tế 187,4m^2) thuộc thửa 198, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Yêu cầu hộ ông Nguyễn Hữu H trả diện tích đất 247m^2 (đo đạc thực tế 250,4m^2) thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2017; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 13/7/2017; Sơ đồ trích đo ngày 13/7/2017 và sơ đồ mốc ngày 13/7/2017).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu T yêu cầu ông Nguyễn Xuân D, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn K3, Tòa giám mục Giáo phận MT đại diện theo pháp luật là ông Trần Kỳ M liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, do đã tự ý xâm phạm mồ mả, thi thể, hài cốt 06 ngôi mộ của thân tộc bà T để đem đi chôn nơi khác.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu T (do đương sự rút đơn khởi kiện) về việc yêu cầu ông Bùi Văn Đ1 liên đới bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định số: 10/2018/QĐ-BPKCTT ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm ông Nguyễn Văn K2 thay đổi hiện trạng 05 ngôi mộ cổ, tẩu tán tài sản xây dựng cải tạo công trình mới trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Lạc, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp".

6. Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà Hà Thị Thu T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đo đạc số tiền là 7.495.880 đồng (số tiền này bà T đã nộp và chi xong).

7. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Thu T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hà Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí là 32.546.000 đồng theo hai biên lai thu tiền số 06510 ngày 10/10/2016 và số 06668 ngày 09/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Thu T được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-VKSNN Cấp cao tại Tp.HCM;
-TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HSLT, Lưu HS (ĐHV)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tô Ngọc